|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | | | |
| **Use case Number** | UC\_XemChiTiếtPhiếuNhậpHàng | | |
| **Use case Name** | Xem Chi Tiết Phiếu Nhập Hàng | | |
| **Actors** | Quản trị | | |
| **Summary** | Quản trị có thể xem chi tiết phiếu nhập hàng | | |
| **Basic Course of Events** | **Actor Action** | | **System Response** |
|  | 1. Quản trị chọn “**Quản lí phiếu nhập**”. | |  |
|  |  | | 2. Hệ thống hiển thị danh sách phiếu nhập hàng. |
|  | 3. Quản trị tìm phiếu nhập hàng cần xem trong danh sách phiếu nhập hàng. **A1** | |  |
|  | 4. Quản trị chọn phiếu nhập hàng trong danh sách phiếu nhập hàng. | |  |
|  |  | | 5. Hệ thống hiển thị chi tiết bao gồm: Thông tin và chi tiết của phiếu nhập hàng. |
| **Alternative Paths** | **A1** | | |
|  | **Actor Action** | **System Response** | |
|  | 1. Quản trị chọn “**Tim kiếm**” để truy xuất phiếu nhập hàng. |  | |
|  | 2. Quản trị điền mã phiếu nhập. **E1** |  | |
|  |  | 3. Hệ thống hiển thị các phiếu nhập hàng có mã tương ứng. | |
| **Exception Paths** | **E1.** Nếu mã phiếu nhập hàng không tồn tại hoặc nhập sai thì hệ thống báo lỗi và yêu cầu nhập lại. | | |
| **Pre-Conditions** | Nhân viên/Quản trị phải đăng nhập vào hệ thống. | | |
| **Post-Conditions** | Quản trị xem được thông tin chi tiết phiếu nhập hàng. | | |
| **Activity Diagram** | | | |